

Bản án số: 12/2021/LĐ-ST

Ngày: 27/5/2021

V/v: Tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Năm

Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 và 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST - LĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-LĐ ngày 22/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị S, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 1076 Kha Vạn Cân, phường LC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Viện Y tế C

Địa chỉ: 159 Hưng Phú, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị H, sinh năm: 1968 theo giấy ủy quyền số 126/GUQ-VYTC ngày 17/8/2020.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Viện Y tế C: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 là luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Kinh Luân; Địa chỉ: 11L-12L Khu Miếu Nổi, Phường E, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/2/2020 cùng các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị S trình bày: bà S được tuyển dụng vào làm việc tại Viện Y tế C vào ngày 15/8/2000 đến ngày 16/1/2003 theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 09 ngày 16/01/2003 và kèm theo giấy xác nhận thời gian công tác xác định bà Trương Thị S, với chức danh nghiên cứu viên hạng III, bậc 6/9, hệ số 3,99. Thời gian làm việc như sau:

Ngày 15/8/2000 đến ngày 15/10/2000: Hợp đồng lao động thử việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 15/10/2000 đến 31/12/2000: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 01/01/2001 đến ngày 31/3/2001: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 01/4/2001 đến ngày 30/6/2001: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 01/7/2001 đến ngày 30/9/2001: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại khoa Vệ sinh môi trường.

Ngày 01/10/2001 đến ngày 31/12/2001: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại khoa Vệ sinh môi trường.

Ngày 01/01/2002 đến ngày 31/12/2002: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại khoa Vệ sinh môi trường.

Ngày 01/01/2003: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc tại khoa Vệ sinh môi trường.

Ngày 16/3/2004 đến ngày 16/5/2004: Nghỉ không hưởng lương.

Ngày 01/6/2005: Làm việc tại phòng Kiểm tra Nhà Nước về Vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ngày 01/9/2009: Làm việc tại phòng Quản lý chất lượng.

Ngày 01/5/2010 đến ngày 31/10/2013: Làm việc tại phòng Tổ chức Hành chính.

Ngày 21/7/2012 đến ngày 21/9/2012: Nghỉ không hưởng lương.

Ngày 21/9/2012 đến ngày 21/11/2012: Nghỉ không hưởng lương.

Ngày 01/11/2013: Làm việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 01/8/2016: Làm việc tại phòng Tổ chức Hành chính.

Đến ngày 02/01/2019, trong khi đang làm việc thì Phòng Tổ chức - Hành chính giao cho bà S thông báo số 199/TB-VYTCC-TCHC ngày 28/12/2018 của Viện Y tế C về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động không có vị trí việc làm kể từ ngày 11/3/2019. Quá bất ngờ trước thông báo chấm dứt hợp đồng lao động, bà S không đồng ý ký vào biên bản giao nhận thông báo.

Tiếp theo các ngày 25/01/2019 và ngày 31/01/2019 bà S được mời làm việc với Công đoàn Viện Y tế C, Viện Y tế C về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Qua hai cuộc họp Công đoàn Viện Y tế C, Viện Y tế C có thể hiện biên bản nhưng không có chữ ký trong biên bản của các thành viên tham gia họp và chữ ký bà S mà chỉ có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và thư ký. Tại các cuộc họp bà S trình bày về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm đã từng làm việc tại nhiều vị trí khác nhau và quá trình công tác trong suốt 19 năm luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ nên bà S có nguyện vọng được tiếp tục làm việc lâu dài tại Viện Y tế C. Nhưng Viện Y tế C không xem xét đến nguyện vọng vẫn ban hành Quyết định số 128/QĐ-VYTCC ngày 05/3/2019 của Viện Y tế C về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà S kể từ ngày 11/3/2019. Do không đồng ý cách giải quyết bà S khởi kiện Viện Y tế C yêu cầu như sau:

Viện Y tế C nhận bà S trở lại làm việc và thanh toán cho bà S số tiền lương kể từ ngày 11/3/2019 là ngày nghỉ việc cho đến ngày 11/5/2021 (26 tháng), số tiền lương thực lãnh từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/3/2019 là 96.487.000 đồng : 12 tháng = 16.081.000 đồng theo bản sao kê Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Cụ thể số tiền lương 16.081.000 đồng/tháng x 26 tháng = 418.106.000 đồng.

Bồi thường 02 tháng tiền lương: 16.081.000 đồng/tháng x 2 tháng = 32.162.000 đồng.

Tổng cộng 418.106.000 đồng + 32.162.000 đồng = 450.268.000 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho bà S từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021.

Đối với trợ cấp thôi việc bà S đã nhận đủ không yêu cầu.

Bị đơn Viện Y tế C có người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị H trình bày: Theo nội dung công văn số 333/VYTCC ngày 18/8/2020 Viện Y tế C là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y Tế. Kinh phí hoạt động của Viện, bao gồm kinh phí trả lương cho người lao động phải tuân thủ theo quy định chung của Bộ Y tế. Việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đều phải tuân thủ theo chủ trương chung của Bộ và Đề án vị trí việc làm của Viện Y tế C (đã được Bộ y tế phê duyệt). Viện Y tế C không thể ký kết hợp đồng lao động, trả lương cho người lao động không đáp ứng điều kiện về chuyên môn theo Đề án vị trí việc làm đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

Tại Công văn 109/VYTCC ngày 13/4/2020, Viện Y tế C đã nêu rõ: Trong nhiều năm qua, Viện đã tạo điều kiện cho bà Trương Thị S làm việc. Tuy nhiên, thực hiện Công văn số 865/BYT-TCCB ngày 28/02/2017 của Bộ Y tế về việc thực hiện Công văn số 30/VPCP-TCCV ngày 04/01/2017 của Chính phủ về hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan thuộc bộ, ngành, địa phương, đơn vị và Công văn số 154/BYT-TCCB ngày 10/01/2018 của Bộ Y tế

về hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan, đơn vị, bà Trương Thị S không đáp ứng điều kiện về chuyên môn Đề án vị trí việc làm nên Viện đã chấm dứt hợp đồng với bà S. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà S là đúng theo chủ trương của Bộ Y tế, do người lao động không đáp ứng vị trí việc làm được nêu trong Đề án.

Về trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động, thực hiện các chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp thất nghiệp đối với bà Trương Thị S, Viện đã thực hiện đúng Bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ Luật lao động.

Vì các lẽ trên, Viện Y tế C đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S về việc nhận bà S trở lại làm việc và chi trả tiền lương, bồi thường 2 tháng tiền lương, đóng tiền BHXH, tiền BHYT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Viện Y tế C ông Nguyễn Văn Đ trình bày thống nhất với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Về nội dung vụ án là có căn cứ pháp luật chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, theo quy định tại Điều 32, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu và trách nhiệm của đương sự:

Căn cứ vào chứng cứ, lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở xác định bà Trương Thị S và Viện Y tế C có ký hợp đồng lao động theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 09 ngày 16/01/2003 và kèm theo giấy xác nhận thời gian công tác xác định bà Trương Thị S, với chức danh nghiên cứu viên hạng III, bậc 6/9, hệ số 3,99. Có thời gian làm việc như sau:

Ngày 15/8/2000 đến ngày 15/10/2000: Hợp đồng lao động thử việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 15/10/2000 đến 31/12/2000: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 01/01/2001 đến ngày 31/3/2001: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 01/4/2001 đến ngày 30/6/2001: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 01/7/2001 đến ngày 30/9/2001: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại khoa Vệ sinh môi trường.

Ngày 01/10/2001 đến ngày 31/12/2001: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại khoa Vệ sinh môi trường.

Ngày 01/01/2002 đến ngày 31/12/2002: Hợp đồng lao động có thời hạn làm việc tại khoa Vệ sinh môi trường.

Ngày 01/01/2003: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn làm việc tại khoa Vệ sinh môi trường.

Ngày 16/3/2004 đến ngày 16/5/2004: Nghỉ không hưởng lương.

Ngày 01/6/2005: Làm việc tại phòng Kiểm tra Nhà Nước về Vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ngày 01/9/2009: Làm việc tại phòng Quản lý chất lượng.

Ngày 01/5/2010 đến ngày 31/10/2013: Làm việc tại phòng Tổ chức Hành chính.

Ngày 21/7/2012 đến ngày 21/9/2012: Nghỉ không hưởng lương.

Ngày 21/9/2012 đến ngày 21/11/2012: Nghỉ không hưởng lương.

Ngày 01/11/2013: Làm việc tại Phòng kế hoạch Tổng hợp.

Ngày 01/8/2016: Làm việc tại phòng Tổ chức Hành chính.

Đến ngày 02/01/2019, trong khi đang làm việc thì Phòng Tổ chức - Hành chính giao cho bà S thông báo số 199/TB-VYTCC-TCHC ngày 28/12/2018 của Viện Y tế C về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động không có vị trí việc làm kể từ ngày 11/3/2019. Quá bất ngờ trước thông báo chấm dứt hợp đồng lao động, bà S không đồng ý ký vào biên bản giao nhận thông báo.

Tiếp theo các ngày 25/01/2019 và ngày 31/01/2019 bà S được mời làm việc với Công đoàn Viện Y tế C, Viện Y tế C về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Qua hai cuộc họp Công đoàn Viện Y tế C, Viện Y tế C có thể hiện biên bản nhưng không có chữ ký trong biên bản của các thành viên tham gia họp và chữ ký bà S mà chỉ có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và thư ký. Tại các cuộc họp bà S trình bày về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm đã từng làm việc tại nhiều vị trí khác nhau và quá trình công tác trong suốt 19 năm luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ nên bà S có nguyện vọng được tiếp tục làm việc lâu dài tại Viện Y tế C. Nhưng Viện Y tế C không xem xét đến nguyện vọng vẫn ban hành Quyết định số 128/QĐ-VYTCC ngày 05/3/2019 của Viện Y tế C về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà S kể từ ngày 11/3/2019 là có thật.

Theo quy định Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định các trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động như sau:

“a) Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

b) Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với người làm theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, đã điều trị 06 tháng liên tục, đối với người lao động làm theo hợp đồng lao động xác định thời hạn và quá nửa thời hạn hợp đồng lao động đối với người làm theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục. Khi sức khỏe của người lao động bình phục, thì người lao động được xem xét để tiếp tục giao kết hợp đồng lao động;

c) Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật, mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc;

d) Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn quy định tại Điều 33 của Bộ luật lao động 2012.”

Như vậy, đối chiếu trường hợp bà S đang làm việc thì Viện Y tế C lại ban hành thông báo số 199/TB-VYTCC-TCHC ngày 28/12/2018 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động không có vị trí việc làm. Sau khi có thông báo thì tổ chức công đoàn và lãnh đạo của Viện Y tế C tiến hành làm việc với người lao động thể hiện bằng biên bản nhưng trong các biên bản lại không có chữ ký của các thành viên tham gia họp, chữ ký bà S mà chỉ có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và thư ký là không đúng thủ tục theo quy định pháp luật lao động. Sau đó đến ngày 05/3/2019 Viện Y tế C lại ban hành Quyết định số 128/QĐ-VYTCC ngày 05/3/2019 của Viện Y tế C về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Trương Thị S với lý do chấm dứt hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm. Thì theo quy định Điều 44 Bộ luật lao động 2012: *“Nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ mà ảnh hưởng đến việc làm của nhiều người lao động, thì người sử dụng lao động có trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động được quy định tại Điều 46 của Bộ luật lao động năm 2012”* và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật lao động năm 2012 quy định: *“Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở”*. Tại phiên tòa Viện Y tế C thừa nhận không xây dựng phương án sử dụng lao động và điều này cho thấy Viện Y tế C đã chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà S không đúng quy định pháp luật lao động, thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật được quy định tại các Điều 15, Điều 22, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 41, Điều 44, Điều 46, Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012.

Xét ý kiến bà S yêu cầu Viện Y tế C nhận bà S trở lại làm việc và thanh toán cho bà S số tiền lương kể từ ngày 11/3/2019 là ngày nghỉ việc cho đến

ngày 11/5/2021 (26 tháng), số tiền lương thực lãnh từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/3/2019 là 96.487.000 đồng : 12 tháng = 16.081.000 đồng theo bản sao kê Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Cụ thể số tiền lương 16.081.000 đồng/tháng x 26 tháng = 418.106.000 đồng. Bồi thường 02 tháng tiền lương: 16.081.000 đồng/tháng x 2 tháng = 32.162.000 đồng. Tổng cộng 418.106.000 đồng + 32.162.000 đồng = 450.268.000 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì như phân tích và tại phiên tòa bà S có nguyện vọng trở lại làm việc nhưng phía Viện Y tế C không đồng ý nhận bà S trở lại làm việc do không bố trí được vị trí việc làm thì điều này phù hợp thực tế và pháp luật được quy định theo khoản 1 Điều 42 quy định khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: *“Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động”* và khoản 2 Điều 42 quy định: *“Trường hợp người lao động không muốn tiếp tục làm việc, thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 42 thì người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012”*.

Đối với số tiền lương của bà S yêu cầu tính theo số tiền thực lãnh 16.081.000 đồng theo bản sao kê Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Hội đồng xét nhận nhận thấy căn cứ theo mức lương này là không phù hợp nên cần được tính lại theo bản kê tiền lương và thu nhập tăng thêm từ 9/2018 đến tháng 3/2019 thể hiện tiền lương 6 tháng liền kề của bà S là 8.502.980 đồng của Viện Y tế C xác nhận ngày 23/9/2020 là phù hợp pháp luật.

Cụ thể số tiền lương 8.502.980 đồng/tháng x 26 tháng (tính từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021) = 221.007.480 đồng.

Bồi thường 02 tháng tiền lương: 8.502.980 đồng/tháng x 2 tháng = 17.005.960 đồng.

Tổng cộng 221.007.480 đồng + 17.005.960 đồng = 238.013.440 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời buộc Viện Y tế C tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho bà S từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021.

Đối với trợ cấp thôi việc bà S đã nhận đủ không yêu cầu nên không xét.

Xét ý kiến bị đơn Viện Y tế C có người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị H trình bày: Theo nội dung công văn số 333/VYTCC ngày 18/8/2020 Viện Y tế C là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y Tế. Kinh phí hoạt động của Viện, bao gồm kinh phí trả lương cho người lao động phải tuân thủ theo quy định chung của Bộ Y tế. Việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đều phải tuân thủ theo chủ trương chung của Bộ và Đề án vị trí việc làm của Viện Y tế C (đã được Bộ y tế phê duyệt). Viện Y tế C không thể ký kết hợp đồng lao động, trả lương cho người lao động không đáp ứng điều kiện về chuyên môn theo Đề án vị trí việc làm đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

Tại Công văn 109/VYTCC ngày 13/4/2020, Viện Y tế C đã nêu rõ: Trong nhiều năm qua, Viện đã tạo điều kiện cho bà Trương Thị S làm việc. Tuy nhiên, thực hiện Công văn số 865/BYT-TCCB ngày 28/02/2017 của Bộ Y tế về việc thực hiện Công văn số 30/VPCP-TCCV ngày 04/01/2017 của Chính phủ về hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan thuộc bộ, ngành, địa phương, đơn vị và Công văn số 154/BYT-TCCB ngày 10/01/2018 của Bộ Y tế về hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan, đơn vị, bà Trương Thị S không đáp ứng điều kiện về chuyên môn Đề án vị trí việc làm nên Viện đã chấm dứt hợp đồng với bà S. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà S là đúng theo chủ trương của Bộ Y tế, do người lao động không đáp ứng vị trí việc làm được nêu trong Đề án.

Về trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động, thực hiện các chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp thất nghiệp đối với bà Trương Thị S, Viện đã thực hiện đúng Bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ Luật lao động.

Vì các lẽ trên, Viện Y tế C đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S về việc nhận bà S trở lại làm việc và chi trả tiền lương, bồi thường 2 tháng tiền lương, đóng tiền BHXH, tiền BHYT, thì như phân tích trên lời trình bày này không phù hợp pháp luật nên không chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Viện Y tế C ông Nguyễn Văn Đ trình bày thống nhất với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị H, thì như phân tích lời trình bày này không phù hợp pháp luật nên không chấp nhận.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: bà Trương Thị S được miễn án phí.

Viện Y tế C phải chịu án phí trên số tiền thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các 15, Điều 22, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 41, Điều 42, Điều 44, Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Điều 18 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực ngày vào ngày 01/01/2017.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trương Thị S.

Buộc Viện Y tế C có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị S số tiền 238.013.440 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu không trăm mười ba nghìn bốn

trăm bốn mươi đồng). Trong đó gồm số tiền lương 221.007.480 đồng (tính từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021) và bồi thường 02 tháng tiền lương 17.005.960 đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Viện Y tế C tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho bà S từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021.

2. Án phí lao động sơ thẩm:

Bà Trương Thị S được miễn án phí lao động sơ thẩm.

Viện Y tế C phải chịu án phí sơ thẩm là 7.140.224 (bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn hai trăm hai mươi bốn) đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày các bên đương sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bên chưa thi hành như án đã tuyên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 8;
- VKSND Quận 8;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phúc

